

ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

Vùng Bắc Trung Bộ nằm kề bên vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tiếp giáp với Lào và biển Đông nên thuận lợi giao lưu văn hóa - kinh tế - xã hội của vùng với các vùng khác cả bằng đường bộ và đường biển.

Với tài nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt sắt, đá vôi phục vụ sản xuất xi măng... cho phép phát triển công nghiệp luyện kim và vật liệu xây dựng; bờ biển dài với nhiều cảng biển, vũng, vịnh... thuận lợi phát triển giao thông vận tải và đánh bắt nuôi trồng hải sản, nhiều bãi tắm đẹp, di tích, cảnh quan để phát triển du lịch.

Mục tiêu phát triển của vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020 là có công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp phát triển; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế lãnh thổ, lựa chọn kinh tế mũi nhọn để tập trung đầu tư phát triển. Cụ thể là, trong nông lâm ngư nghiệp: chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp cho phù hợp với hệ sinh thái theo cơ chế thị trường; thực hiện thâm canh cao trên diện tích 2 vụ lúa, phát triển cây công nghiệp, cây thực phẩm, phát triển chăn nuôi, hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hoá gắn với công nghiệp chế biến. Trong công nghiệp: phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng (chủ yếu là xi măng và đá xây dựng), công nghiệp khai khoáng, luyện kim, hoá chất (lọc hoá dầu, xút), chế biến nông lâm hải sản. Phát triển các ngành phục vụ du lịch như cảng biển, hàng không, ngân hàng, tài chính, bưu chính viễn thông... Xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 và theo đó là công nghiệp hoá dầu tại Nghi Sơn, xây dựng các cảng Nghi Sơn, Vũng Áng, Hòn La, Cửa Lò, Cửa Việt, Chân Mây và các đường giao thông 7, 8, 9, 29 để làm cho vùng này thật sự trở thành cửa ngõ thông thương với quốc tế.

Trong những năm qua, hoạt động KH&CN đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển KT-XH của vùng Bắc Trung Bộ. Trong đó, KH&CN của

các tỉnh trong Vùng đã có sự đổi mới và vươn lên mạnh mẽ để góp phần khai thác có hiệu quả các lợi thế so sánh, khắc phục những khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các định hướng phát triển KT-XH của từng tỉnh cũng như của toàn Vùng.

Trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống: Các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn tập trung vào việc điều tra, nghiên cứu về văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội, quản lý, giáo dục... góp phần xác định những giá trị văn hóa, lịch sử, y tế, du lịch... làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách về kinh tế - xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các đề tài điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường đã góp phần xác định ngày càng rõ hơn điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề môi trường của địa phương phục vụ công tác quản lý, qui hoạch, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, qui hoạch ngành, lãnh thổ, xây dựng và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nhiều đề tài trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã ứng dụng, cải tiến, đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ mới... từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được các doanh nghiệp nhanh chóng ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, góp phần đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm, tăng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Điển hình là những đóng góp của KH&CN trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp. Trong đó, các hoạt động KH&CN đã tập trung vào việc khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ứng dụng các kỹ thuật, quy trình mới trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng



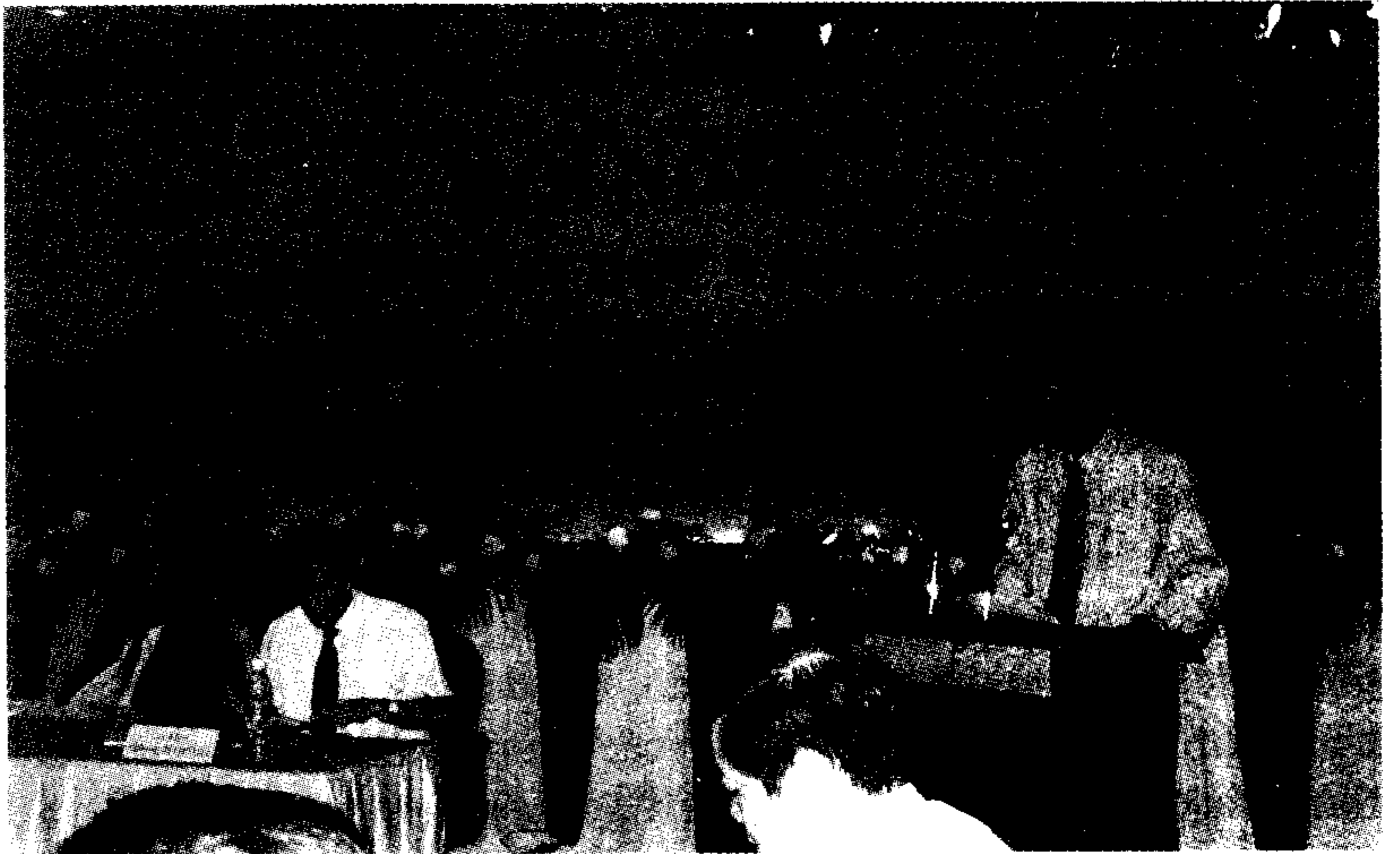
hóa sản phẩm, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, tăng hiệu quả đầu tư. Áp dụng các kỹ thuật tiên bộ vào trồng trọt, chăn nuôi, đã đầu tư nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm các giống thủy hải sản có giá trị kinh tế cao.

Các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi đã đóng góp quan trọng cho nhiều địa phương thực hiện chuyển đổi những vùng chuyên trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây hoa màu, cây ăn quả và cây công nghiệp, trồng nấm ăn và nấm dược liệu đem lại hiệu quả cao hơn so với trồng lúa, góp phần chuyển đổi kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng được những mô hình sản xuất tiên tiến để nông dân học tập và triển khai nhân rộng.

Trong công tác quản lý công nghệ: Thời gian qua, hoạt động chuyển giao và đổi mới công nghệ trong Vùng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều công nghệ sản xuất tiên tiến và hiện đại đã được chuyển giao và áp dụng vào sản xuất đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh để từng bước mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm trong nước và các nước trong khu vực.

Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp hội nhập đã mang lại nhiều kết quả thiết thực đối với doanh nghiệp trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam.

Các Sở KH&CN trong Vùng đã phát huy vai trò thực hiện công tác thẩm định về công nghệ các dự án đầu tư ở địa phương; thẩm định các hợp đồng chuyển giao công nghệ; tư vấn công nghệ cho các dự án đầu tư theo yêu cầu của các sở, ngành và doanh nghiệp góp phần ngăn chặn các công nghệ lạc hậu, công nghệ gây tác động ô nhiễm môi trường du nhập vào địa phương. Tuy nhiên, số lượng các dự án được thẩm định công nghệ còn ít, số lượng cán bộ



Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Bình phát biểu tại Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ lần thứ IX

Ảnh: T.L

đảm nhiệm công tác này ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu về chuyên môn.

Trong hoạt động sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật: Các Sở KH&CN trong Vùng đã tăng cường tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn về công tác sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp; hỗ trợ việc đăng ký bảo hộ các sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; mở các lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các Sở KH&CN đã phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động tỉnh thường xuyên tổ chức các hội thi sáng tạo KH&CN, các phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật... Hội thi đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát động phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật. Nhiều giải pháp đã mang lại hiệu quả thiết thực vào đời sống và sản xuất kinh doanh.

Trong công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng ở địa phương tập trung vào việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và lập hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo qui định, tăng cường kiểm định các loại phương tiện đo nằm trong danh mục phải kiểm định; các địa phương đều tích cực tuyên

truyền phổ biến và hướng dẫn các doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng Việt Nam. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng của các địa phương đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền, lợi ích của người tiêu dùng và trật tự trong sản xuất kinh doanh.

Trong công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN: Các Sở KH&CN đều xuất bản định kỳ các ấn phẩm thông tin nhằm phổ biến rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật tới bà con nông dân, xây dựng các chuyên mục riêng về KH&CN trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Các địa phương đã xuất bản được các loại bản tin, tập san, sách KHKT với gần 100.000 bản in. Đặc biệt là tuyên truyền sâu rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành KH&CN.

Nhiều Sở KH&CN đã chủ động và phối hợp với Cục Thông tin KH&CN Quốc gia triển khai chương trình cung cấp thông tin KH&CN xuống cơ sở. Một số địa phương đã thúc đẩy mạnh các dịch vụ thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Trong công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN: Thanh tra các Sở KH&CN trong Vùng đã triển khai đầy đủ ở các lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN tại địa phương. Trong đó, đã tiến hành thanh tra trên các lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN đối với gần 1.500 lượt cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Trong công tác khoa học và công nghệ cấp huyện: Mạng lưới quản lý KH&CN cấp huyện được hình thành và củng cố. Hiện nay các Sở đều có Phòng quản lý KH&CN cơ sở, đây là điều kiện tốt để phát triển hoạt động quản lý KH&CN tại các huyện, thành phố, thị xã. Các hoạt động KH&CN cấp huyện hiện nay chủ yếu là phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo dõi, quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai thực hiện ở địa phương, phối hợp với Sở KH&CN và các ngành chức năng liên quan trong hoạt động kiểm tra đo lường, chất lượng hàng hoá trên địa bàn. Tuy nhiên, do chưa xác định rõ chức năng nhiệm vụ và các hoạt động cụ thể, chưa được các chính quyền ở địa phương quan tâm đúng mức nên hoạt động KH&CN ở cấp huyện của một số các địa phương

trong Vùng còn yếu, những đóng góp của KH&CN vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa cao...

Trong quan hệ hợp tác KH&CN: Các Sở KH&CN trong Vùng thường xuyên phối hợp với các trường Đại học, Trung tâm, Viện nghiên cứu để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình KH&CN của từng địa phương. Đặc biệt, đã đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về KH&CN với các nước Lào, Thái Lan. Trong đó, các nhiệm vụ nghị định thư Việt - Lào hướng vào việc điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, xây dựng luận cứ cho hợp tác phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường trên tuyến biên giới Việt - Lào và trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Ngoài ra, Sở KH&CN các tỉnh đã chuyển giao công nghệ, hỗ trợ một số trang thiết bị và đào tạo nhân lực giúp cơ quan KH&CN&MT các tỉnh kết nghĩa ở Lào xây dựng tiềm lực CNTT và đo lường thử nghiệm. Những hoạt động đó đã góp phần củng cố mối quan hệ hợp tác KH&CN các nước trong khu vực và mở rộng cho tiến trình hội nhập.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung KH&CN của vùng BTB vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH của cả Vùng nói chung và các tỉnh nói riêng. Đội ngũ cán bộ KH&CN còn ít và thiếu nhiều cán bộ đầu ngành giỏi... đặc biệt là thiếu cán bộ KH&CN trẻ kế cận có trình độ cao. Cơ cấu nhân lực KH&CN theo ngành nghề và lãnh thổ còn nhiều bất hợp lý, thiếu cân đối. Đầu tư của xã hội cho KH&CN còn rất thấp, đặc biệt là đầu tư từ khu vực doanh nghiệp. Thiếu sự liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu KH&CN, giáo dục - đào tạo và sản xuất - kinh doanh; thiếu sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu - phát triển, các trường đại học và doanh nghiệp. Các nhiệm vụ khoa học gặp rất nhiều khó khăn trong xác định tính chất, mức độ, phạm vi trùng lặp với các đề tài, dự án KH&CN hoặc các chương trình kinh tế xã hội khác thuộc các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở... Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống còn hạn chế do sự thiếu hụt các điều kiện về nguồn vốn đầu tư ban đầu, thị trường tiêu thụ sản phẩm, cũng như những hạn chế trong công tác tuyên truyền phổ biến kết quả nghiên cứu, sự quan tâm chỉ đạo và

tạo điều kiện để áp dụng kết quả nghiên cứu của các cấp, các ngành.

Việc lồng ghép các chương trình KH&CN với các chương trình kinh tế - xã hội còn hạn chế, chưa tập trung đầu tư vào những lĩnh vực có tính đột phá. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa mạnh dạn đầu tư kinh phí để ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Thị trường KH&CN chậm phát triển. Hoạt động mua, bán công nghệ và lưu thông kết quả nghiên cứu KH&CN còn bị hạn chế do thiếu các tổ chức trung gian, môi giới, các quy định pháp lý cần thiết, đặc biệt là hệ thống bảo hộ hữu hiệu quyền sở hữu trí tuệ. Mạng lưới cơ quan nghiên cứu triển khai mỏng và với cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, lạc hậu. Nguồn lực thông tin KH&CN, nhất là các cơ sở dữ liệu rất nghèo nàn.

Để KH&CN đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH của cả vùng Bắc Trung Bộ, trong giai đoạn tới hoạt động KH&CN cần tập trung vào các nhiệm vụ sau đây:

Trong công tác nghiên cứu triển khai, gắn các chương trình KH&CN với các chương trình phát triển KT-XH, hoạt động nghiên cứu triển khai phải hướng vào việc hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, phát triển công nghiệp nông thôn, xử lý ô nhiễm môi trường, phát triển nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, phòng tránh thiên tai nhằm đáp ứng các yêu cầu bức xúc của sản xuất, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng tỉnh và của cả Vùng. Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai các công nghệ thích hợp phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, chú trọng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống, tăng cường nghiên cứu công nghệ và thiết bị trong bảo quản nông, lâm sản và khai thác các lợi thế, các sản phẩm đặc thù của các vùng sinh thái.

Đẩy mạnh việc phát triển thị trường công nghệ, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Để làm tốt điều này, cần làm tốt việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart) các cấp, công tác bảo hộ tài sản trí tuệ đối với các sản

phẩm KH&CN. Cần đa dạng hóa các nguồn tài chính cho việc tổ chức Techmart theo hướng huy động ngày càng nhiều sự đóng góp của doanh nghiệp, của các tổ chức KH&CN, từng bước giảm dần sự đầu tư của nhà nước.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về KH&CN. Việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải được đặt lên là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, nhất là trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Đồng hành với việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN tới mọi người dân.

Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu, tư vấn để kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến huyện theo Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKH&CN-BNV. Triển khai thực hiện việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp hoạt động KH&CN công lập sang cơ chế "tự chủ, tự chịu trách nhiệm" theo tinh thần Nghị định 115/2005/NĐ-CP. Trong đó chú trọng việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực để các đơn vị này có thể sớm hoàn thành việc chuyển đổi và hoạt động có hiệu quả sau khi chuyển đổi.

Tổ chức tốt hơn nữa công tác xã hội hóa các hoạt động KH&CN để khơi dậy sức sáng tạo của mọi người dân trong sản xuất, kinh doanh... Sở KH&CN các tỉnh trong Vùng cần phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể xã hội, UBND các quận/huyện/thành phố/thị xã tổ chức tốt các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, để hoạt động KH&CN không chỉ là việc của ngành KH&CN, mà còn là công việc thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp và mọi người dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn.

Tiếp tục xây dựng tiềm lực KH&CN kể cả tiềm lực về cơ sở vật chất kỹ thuật và tiềm lực về con người. Cùng với việc quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN tại chỗ, các tỉnh cần quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực KH&CN của các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương về giúp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH&CN cũng như các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

N.Đ.T